

PHỤ LỤC:
**GIAO CHỈ TIÊU ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CAO ĐIỂM “TÍCH HỢP
THÔNG TIN BHYT VÀO SỔ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ TRÊN ỨNG DỤNG VNEID”**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2025
của UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Đơn vị (cấp huyện, cấp xã)	Công dân trên 14 tuổi	Ghi chú
Tổng số toàn tỉnh Lai Châu		360.122	
I	Tam Đường	46.582	
1	Sơn Bình	3.229	
2	Tả Lềng	3.435	
3	Giang Ma	3.007	
4	Thị trấn Tam đường	5.624	
5	Xã Bản Bo	4.067	
6	Bình Lư	4.137	
7	Nùng Nàng	2.442	
8	Khun Há	4.141	
9	Bản Giang	3.132	
10	Bản Hòn	2.288	
11	Hồ Thầu	2.620	
12	Nà Tăm	2.836	
13	Thèn Sin	5.624	
II	Than Uyên	53.494	
1	Mường Kim	9.137	
2	Phúc Than	8.179	
3	Hua Nà	2.708	
4	Tà Hừa	1.860	
5	Mường Than	6.979	
6	Thị trấn Than uyên	5.424	
7	Khoen On	3.718	
8	Mường Mít	2.112	
9	Tà Mmung	3.312	
10	Pha Mu	774	
11	Ta Gia	4.238	
12	Mường Cang	5.053	
III	Phong Thổ	62.391	
1	Hoang Thèn	3.098	
2	Mường So	4.804	

TT	Đơn vị (cấp huyện, cấp xã)	Công dân trên 14 tuổi	Ghi chú
3	Lản Nhì Thàng	2.476	
4	Tung Qua Lìn	1.678	
5	Khổng Lào	3.026	
6	Mồ Sì San	1.938	
7	Mù Sang	2.292	
8	Thị trấn Phong Thổ	3.940	
9	Ma Li Pho	2.210	
10	Sin Suối Hồ	3.692	
11	Nậm Xe	5.401	
12	Dào San	6.470	
13	Sì Lở Lầu	4.807	
14	Vàng Ma Chải	2.936	
15	Huổi Luông	5.752	
16	Bản Lang	6.316	
17	Pa Vây Sủ	1.555	
IV	Sìn Hồ	65.085	
1	Pu Sam Cáp	1.144	
2	Nậm Hăn	4.298	
3	Tả Phìn	2.507	
4	Nậm Mạ	1.462	
5	Nậm Cha	2.874	
6	Pa Tàn	3.226	
7	Làng Mô	2.917	
8	Phăng Sô Lin	2.310	
9	Hồng Thu	3.542	
10	Tủa Sín Chải	3.972	
11	Thị trấn Sìn Hồ	3.067	
12	Nậm Tăm	3.606	
13	Noong Hẻo	5.300	
14	Sà Dề Phìn	1.685	
15	Nậm Cuối	3.844	
16	Chăn Nưa	2.383	
17	Pa Khóa	1.824	
18	Nùng Thàng	2.833	
19	Phìn Hồ	2.250	
20	Ma Quai	3.094	
21	Tả Ngảo	3.551	

TT	Đơn vị (cấp huyện, cấp xã)	Công dân trên 14 tuổi	Ghi chú
22	Căn Co	3.396	
V	Tân Uyên	45.913	
1	Nậm Sỏ	6.167	
2	Thân Thuộc	3.011	
3	Hố Mít	2.525	
4	Mường Khoa	5.623	
5	Tà Mít	1.154	
6	Trung Đồng	5.615	
7	Phúc Khoa	3.508	
8	Nậm Cắn	1.917	
9	Thị trấn Tân Uyên	11.329	
10	Pắc Ta	5.064	
VI	Mường Tè	34.601	
1	Thu Lũm	1.923	
2	Tà Tổng	4.796	
3	Bum Nưa	3.039	
4	Pa Vệ Sủ	2.082	
5	Mù Cả	2.191	
6	Tá Bạ	1.394	
7	Nậm Khao	1.187	
8	Pa Ủ	2.543	
9	Thị trấn Mường Tè	3.711	
10	Mường Tè	3.350	
11	Ka Lăng	1.898	
12	Vàng San	2.302	
13	Bum Tở	2.539	
14	Can Hồ	1.646	
VII	Thành phố Lai Châu	32.258	
1	Đông Phong	5.672	
2	Quyết Thắng	1.435	
3	San Thàng	3.732	
4	Tân Phong	9.419	
5	Sùng Phài	3.488	
6	Quyết Tiến	3.176	
7	Đoàn Kết	5.336	
VIII	Nậm Nhùn	19.798	
1	Mường Mô	2.165	

TT	Đơn vị (cấp huyện, cấp xã)	Công dân trên 14 tuổi	Ghi chú
2	Nậm Chà	2.501	
3	Hua Bum	1.648	
4	Nậm Mạnh	1.932	
5	Trung Chải	1.173	
6	Nậm Pì	1.765	
7	Nậm Hàng	3.175	
8	Nậm Ban	1.433	
9	Thị trấn Nậm Nhùn	1.915	
10	Pú Đao	909	
11	Lê Lợi	1.182	